

Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam hiện nay

Chu Thanh Hải¹

¹ Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: chuhaikxh@yahoo.com.vn

Nhận ngày 5 tháng 9 năm 2019. Chấp nhận đăng ngày 8 tháng 10 năm 2019.

Tóm tắt: Trong những năm gần đây, môi trường kinh doanh của Việt Nam đã có những thay đổi hết sức căn bản tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) phát triển. Đến nay, DNNVV chiếm 96,7% tổng số doanh nghiệp cả nước. Sự lớn mạnh cả về số lượng, quy mô hoạt động và cả về nội lực của khu vực DNNVV có tác động to lớn, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội và quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam.

Từ khóa: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, phát triển, Việt Nam.

Phân loại ngành: Kinh tế học

Abstract: In recent years, Vietnam's business environment has undergone fundamental changes to create favourable conditions for small and medium-sized enterprises (SMEs) to develop. To date, SMEs account for 96.7% of the total number of enterprises nationwide. The growth in quantity, operational scale, and internal strengths of the SME sector exerts a great impact, making an important contribution to the country's socio-economic development and international integration processes.

Keywords: Small and medium-sized enterprises, development, Vietnam.

Subject classification: Economics

1. Mở đầu

Trong hơn 30 năm đổi mới, Đảng và Nhà nước ta luôn kiên định và nhất quán đường

lối phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối.

Thực hiện quan điểm, chủ trương của Đảng, Chính phủ đã có nhiều chính sách phát triển đồng bộ các thành phần kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế hoạt động bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển. Kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế.

Để phát triển kinh tế tư nhân trong tình hình mới, Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2017 về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Qua gần 2 năm thực hiện Nghị quyết, kinh tế tư nhân đã có sự phát triển nhanh chóng và đóng vai trò ngày càng quan trọng trong nền kinh tế, nhất là góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thương mại đầu tư, tăng thu ngân sách nhà nước, tạo việc làm, cải thiện an sinh xã hội.

DNNVV là bộ phận quan trọng trong thành phần kinh tế tư nhân và chiếm tỷ lệ lớn trong cộng đồng doanh nghiệp (DN) Việt Nam. Hiện nay, cả nước có khoảng 541.753 DNNVV đang hoạt động trong nền kinh tế, với tổng số vốn đăng ký khoảng 130 tỷ USD, chiếm khoảng 1/3 tổng số vốn đăng ký của các DN [3, tr.26]. Hàng năm, các DNNVV đóng góp khoảng 40% GDP, nộp ngân sách nhà nước 30%, đóng góp giá trị sản lượng công nghiệp 33%, giá trị hàng hóa xuất khẩu 30% và thu hút gần 60% lao

động... Mặc dù số lượng DNNVV đông đảo, song quy mô DN nhỏ và siêu nhỏ chiếm tỷ lệ rất lớn, số DN quy mô vừa chỉ chiếm 1,6% tổng số DNNVV. Chính bởi quy mô nhỏ, nên hoạt động của khu vực DN này đang gặp khá nhiều khó khăn, như là khả năng tiếp cận các nguồn vốn để đầu tư vào máy móc, công nghệ hiện đại, phục vụ cho sản xuất, kinh doanh; thiếu kinh nghiệm quản trị điều hành DN; khả năng cạnh tranh, chiếm lĩnh thị trường ngay trên thị trường nội địa... Trong thời gian tới, rất cần có những giải pháp hữu hiệu để khu vực DN này, tuy rất năng động, nhưng cũng dễ tổn thương có sự phát triển nhanh và bền vững trong bối cảnh mới. Bài viết phân tích sự đổi mới cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam nhằm hỗ trợ phát triển DNNVV; đánh giá làm rõ những thành tựu và hạn chế của khu vực DNNVV hiện nay. Trên cơ sở đó, đưa ra những giải pháp cơ bản phát triển DNNVV ở Việt Nam.

2. Đổi mới cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

Trong những năm gần đây, Chính phủ đã không ngừng triển khai thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, hoàn thiện khung pháp lý nhằm đổi mới, tạo động lực cho DN phát triển. Trong năm 2014, Chính phủ trình và Quốc hội đã thông qua Luật Đầu tư và Luật DN (sửa đổi); Luật Chuyển giao công nghệ và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng (năm 2017); Luật Cạnh tranh (năm 2018)... Việc triển khai một số

luật quan trọng này nhằm tạo sự thay đổi tích cực môi trường đầu tư kinh doanh. Cùng với đó, Luật Đất đai, Luật Thương mại, Luật Phá sản, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Thuế thu nhập DN và hàng loạt các văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành, tác động tích cực tới cộng đồng DN.

Hàng năm, Chính phủ đã ban hành kịp thời các nghị quyết để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn mà các DNNVV đặt ra, như Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 và Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 6 tháng 6 năm 2017 về hỗ trợ và phát triển DN đến năm 2020; Nghị quyết số 75/NQ-CP ngày 9 tháng 8 năm 2017 về cắt giảm mức phí, chi phí cho DN; Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 3 tháng 10 năm 2017 về Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 3 tháng 6 năm 2017 của Đảng về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia... Việc triển khai thực hiện các nghị quyết này đã làm đơn giản hóa và giảm bớt điều kiện kinh doanh, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, minh bạch cho mọi thành phần kinh tế, trợ giúp phát triển DNNVV. Nhiều chính sách được sửa đổi, bổ sung và ban hành mới đã hướng đến mục tiêu mở rộng các quyền và nghĩa vụ của các đối tượng kinh tế tư nhân liên quan đến đất đai, tạo môi trường thuận lợi để DN, nhà đầu tư mở rộng quy mô đầu tư, sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó, Chính phủ đã ban hành và chỉ đạo thực hiện việc đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, ban hành Quyết định

số 225/QĐ-TTg ngày 4 tháng 2 năm 2016 phê duyệt kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020. Điều đó đã tạo sự chuyển biến, nâng cao chất lượng phục vụ của Chính phủ, chính quyền các cấp đối với người dân và DN, xóa bỏ mọi rào cản, đảm bảo quyền tự do bình đẳng kinh doanh của cá nhân và DN.

Để tiếp tục nâng cao hiệu lực pháp lý, đẩy mạnh thực hiện các chính sách hỗ trợ DNNVV, tại Kỳ họp thứ 3 Khóa XIV, Quốc hội đã thông qua Luật Hỗ trợ DNNVV (năm 2017). Luật có hiệu lực thi hành từ 01/01/2018, với hàng loạt chính sách hỗ trợ cơ bản dành cho các DNNVV, như: hỗ trợ tiếp cận tín dụng, thông tin, phát triển nguồn nhân lực, tư vấn, công nghệ... đã tạo bước tiến quan trọng trong công tác hoàn thiện chính sách hỗ trợ tích cực cho DNNVV phát triển mạnh mẽ hơn. Chính phủ ban hành Nghị định số 39/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2019 về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển DNNVV. Theo Nghị định này, Quỹ Phát triển DNNVV thực hiện việc cho vay, hỗ trợ tăng cường năng lực cho DNNVV; tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn vay, tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác; phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro và xử lý rủi ro; quản lý tài chính...

Nhằm tăng cường các chính sách hỗ trợ phát triển DNNVV và phong trào khởi nghiệp, Chính phủ ban hành các Nghị định số 34/NĐ-CP ngày 8 tháng 3 năm 2018 về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho DNNVV; Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 quy định chi tiết về đầu tư cho

DNNVV khởi nghiệp sáng tạo. Cùng với đó là cụ thể hóa các quy định, chính sách về hỗ trợ DNNVV, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại Luật Hỗ trợ DNNVV [1, tr.8]. Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo ngày càng được hoàn thiện. Cụ thể là, Chính phủ đẩy mạnh vận hành, khai thác và phát triển Cổng thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia; xây dựng cơ sở dữ liệu về hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, kết nối hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của Việt Nam với quốc tế. Đồng thời, hỗ trợ DN áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng. Khuyến khích hoạt động liên kết ngành, tham gia chuỗi giá trị của các DN trong nước với chính sách thu hút đầu tư nước ngoài.

Chính phủ triển khai việc rà soát và hoàn thiện các quy định pháp luật về hải quan để tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, bao gồm việc sửa đổi các quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra, kiểm soát hải quan. Trong năm 2018, đa số bộ, ngành đã xây dựng các nghị định về điều kiện kinh doanh, trong đó một số điều kiện kinh doanh không cần thiết, không hợp lý, thiếu rõ ràng đã được cắt bỏ. Đồng thời, chú trọng tới việc cắt giảm chi phí khởi sự kinh doanh và gia nhập thị trường của DNNVV². Để hỗ trợ các DNNVV khai thác được các cơ hội trong hội nhập kinh tế quốc tế, nhất là triển khai các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới, Chính phủ đã thực hiện nhiều giải pháp cụ thể³ góp phần mở rộng thị trường xuất khẩu, tham gia ngày càng sâu vào chuỗi giá trị, mạng lưới sản xuất

toàn cầu, nâng cao năng lực cạnh tranh, tiếp cận vốn đầu tư, công nghệ, tri thức, kinh nghiệm quản lý hiện đại.

3. Những thành tựu và hạn chế phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

3.1. Thành tựu phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

Trong những năm vừa qua, nhờ có việc ban hành hàng loạt cơ chế, chính sách và triển khai nhiều giải pháp tích cực, môi trường kinh doanh của Việt Nam đã có sự chuyển biến tích cực; khơi dậy tinh thần doanh nhân và sự đăng ký quay trở lại hoạt động mạnh mẽ của các DNNVV. Số lượng DN thành lập mới và số lượng DN tạm ngừng hoạt động quay trở lại hoạt động tăng lên. Từ năm 2016, mỗi năm có thêm hơn 100 nghìn DN thành lập mới. Trong hai năm 2017-2018, cả nước có 258.134 DN đăng ký thành lập mới và 60.458 DN tạm ngừng hoạt động quay trở lại nhờ môi trường kinh doanh được cải thiện và các chính sách của Nhà nước hỗ trợ, phát triển DN [1, tr.22-23]. Sự gia tăng trở lại này trùng với thời điểm Luật DN 2014 và Luật Đầu tư 2014 chính thức có hiệu lực từ tháng 7/2015. Thực tế, các luật này tạo cơ chế thông thoáng, tác động trực tiếp, thuận lợi cho DN trong quá trình kinh doanh, khi DN có quyền tự quyết về số lượng, hình thức, nội dung của con dấu; được tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm; đồng thời, thời gian đăng ký thành lập DN đã được rút ngắn còn 03 ngày. Tính chung trong 9 tháng năm 2018,

cả nước có 96.611 DN thành lập mới với số vốn đăng ký là 963.411 tỷ đồng, tăng 2,8% về số DN và tăng 6,7% về số vốn đăng ký. Riêng trong quý III/2018, cả nước có 32.080 DN thành lập mới, giảm 15% so với quý II/2018 và giảm 1,9% so với cùng kỳ năm 2017. Tỷ trọng vốn đăng ký bình quân trên một DN đạt 10,0 tỷ đồng, tăng 3,8% so với cùng kỳ năm 2017. Số lao động đăng ký của các DN thành lập mới là 819.742 lao động, giảm 7,5% so với cùng kỳ năm 2017. Số DN quay trở lại hoạt động là 22.897 DN, tăng 8,5% so với cùng kỳ năm 2017. Tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế là 2.845.331 tỷ đồng, tăng 32,7% so với cùng kỳ năm 2017, bao gồm: 936.411 tỷ đồng của DN đăng ký thành lập mới (tăng 6,7% so với cùng kỳ năm 2017) và 1.881.920 tỷ đồng (tăng 51,6%) thông qua 32.144 lượt đăng ký tăng vốn của các DN đang hoạt động (tăng 16,6%) [7].

Trong một vài năm gần đây, xu hướng phát triển các mô hình kinh doanh khởi nghiệp sáng tạo (startup) diễn ra sôi động, tập trung vào một số lĩnh vực như: xây dựng, chế biến, chế tạo, công nghiệp ô tô, vận tải hàng không, tài chính, ngân hàng. Hiện nay, có hơn 3.000 công ty khởi nghiệp sáng tạo đang hoạt động, trong đó có nhiều DNNVV thành công [1, tr.23].

Cùng với sự bùng nổ về số lượng, DNNVV đã góp phần quan trọng trong chuyển dịch về cơ cấu ngành nghề thông qua tạo việc làm, thu hút lao động từ lĩnh vực nông nghiệp, tham gia đầu tư vào các thị trường ngách, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh. Bình quân mỗi năm (giai đoạn 2016-2017), khối DNNVV thu hút nhiều lao động nhất với 8,69 triệu lao động

(chiếm 60,9% tổng lao động toàn bộ khu vực DN trong nền kinh tế) [3, tr.31]. Trong hai năm 2017-2018, số DNNVV thành lập mới cũng đã tạo gần 2,3 triệu việc làm mới.

Khu vực DNNVV đã thể hiện vai trò và những đóng góp quan trọng thúc đẩy sự chuyển mình và cất cánh của nền kinh tế. Trong giai đoạn 2015-2017, khu vực kinh tế tư nhân (trong đó DNNVV là bộ phận quan trọng) đóng góp khoảng 50% GDP, trên 30% thu ngân sách nhà nước, 45% vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội. Năm 2018, kinh tế tư nhân đóng góp khoảng 42,1% GDP của nền kinh tế và có dấu hiệu tăng lên [1, tr.24]. Thu ngân sách nhà nước từ các DN tư nhân liên tục tăng lên trên 16%. Thu ngân sách nhà nước từ sản xuất kinh doanh của khu vực kinh tế tư nhân vượt khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) và khu vực DN nhà nước. Những tín hiệu này phản ánh sự lớn mạnh về quy mô, số lượng chủ thể và sự cải thiện về hiệu quả của kinh tế tư nhân [1, tr.24]. Tốc độ tăng năng suất lao động (NSLĐ) của khu vực này tương đối ổn định. Mặc dù những năm gần đây, tốc độ tăng NSLĐ của cả nước liên tục có những biến động thì tốc độ tăng NSLĐ của khu vực kinh tế tư nhân, trong đó chủ yếu là DNNVV vẫn ổn định hơn so với các khu vực kinh tế nhà nước và khu vực FDI, xung quanh mức 4,8%-5,8% [7]. Tính chung trong 2 năm 2016-2017, các DNNVV tạo ra doanh thu chiếm tỷ lệ chi phối trong toàn bộ khu vực DN, bình quân mỗi năm các DNNVV tạo ra 10,8 triệu tỷ đồng, chiếm 56,4% doanh thu toàn bộ khu vực DN, tăng 64,4% so với bình quân giai đoạn 2011-2015 [3, tr.36].

3.2. Những hạn chế, yếu kém của các doanh nghiệp nhỏ và vừa

Mặc dù các năm gần đây, số lượng DNNVV thành lập mới nhiều, nhưng cũng có một bộ phận không nhỏ DN không có khả năng tồn tại, đứng vững trong cạnh tranh hoặc hoạt động kém hiệu quả. Hiện nay, các DNNVV vẫn rất khó tiếp cận các nguồn lực của xã hội để phục vụ cho sản xuất, kinh doanh như: việc tuyển dụng lực lượng lao động có trình độ tay nghề cao, về tiếp cận đất đai, về vốn tín dụng từ các ngân hàng, nguồn vốn từ các quỹ, về ứng dụng khoa học và công nghệ. Theo Báo cáo đánh giá môi trường kinh doanh năm 2018 của Ngân hàng Thế giới, chỉ số tiếp cận tín dụng của Việt Nam năm 2018 được xếp hạng 29/190 nền kinh tế. Trong 6 tháng đầu năm 2018, dư nợ tín dụng đối với DNNVV chiếm khoảng 21% dư nợ toàn nền kinh tế. Đến nay vẫn có khoảng 60% DNNVV chưa tiếp cận được nguồn vốn tín dụng của ngân hàng [7]. Việc tiếp cận đất đai còn nhiều khó khăn chưa đáp ứng được yêu cầu (thủ tục xin cấp đất rất chậm và chi phí quá cao làm mất đi cơ hội kinh doanh của DN). Các DNNVV thiếu thông tin thị trường cũng như công đối thoại với các bộ, ngành để tìm kiếm sự hỗ trợ và sự bảo vệ, đặc biệt là các thông tin về giá cả hàng hóa, thủ tục mua bán, xuất nhập khẩu hàng hóa cũng như quy trình sản xuất và chất lượng yêu cầu [1, tr.38].

Điểm nổi bật hiện nay là, sự liên kết của các DNNVV Việt Nam yếu kém, có rất ít mối liên kết giữa các DN nhỏ và DN có quy mô lớn hơn. Theo báo cáo triển vọng phát

triển Châu Á của Ngân hàng Phát triển Châu Á, hiện nay mới chỉ có 21% các DNNVV của Việt Nam tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu so với 30% của Thái Lan và 46% của Malaysia [7].

Sự hình thành và phát triển của các tập đoàn kinh tế tư nhân ở Việt Nam chủ yếu là sau một giai đoạn tích lũy ngắn, dựa vào vốn tự có và ít được Nhà nước hỗ trợ. Quá trình phát triển theo mô hình tập đoàn của nhóm các tập đoàn kinh tế tư nhân hiện gặp phải một số khó khăn về quản trị, mô hình, do phần lớn phát triển từ quy mô DN gia đình. Các liên kết trong mô hình tập đoàn còn khá đơn giản, chưa triển khai được các hình thức liên kết “mềm” khác thông qua thỏa thuận, hợp tác sử dụng thương hiệu, dịch vụ, kết quả nghiên cứu đổi mới, ứng dụng khoa học, công nghệ chung trong tập đoàn theo nguyên tắc thị trường. Lĩnh vực hoạt động của các tập đoàn kinh tế và DN thuộc khu vực tư nhân mới chủ yếu tập trung vào một số lĩnh vực như dịch vụ, bất động sản... Vì vậy, còn thiếu vắng một lực lượng DN “đầu tàu” đủ mạnh để có thể dẫn dắt “đoàn tàu” DN Việt Nam tham gia chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị trong nước và quốc tế.

Do phần lớn DN Việt Nam hiện có quy mô nhỏ nên rất khó tăng NSLĐ nhờ chuyên môn hóa hay tận dụng lợi thế quy mô được. Mặt khác, vì quy mô nhỏ nên khả năng tích tụ và tập trung vốn để đầu tư, đổi mới công nghệ, mở rộng quy mô sản xuất hầu như không có. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến khả năng cạnh tranh của DNNVV, nhất là trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay [7].

4. Giải pháp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong bối cảnh mới

Thứ nhất, hoàn thiện thể chế, chính sách, hệ thống pháp luật về kinh doanh minh bạch, công bằng, lành mạnh nhằm mục đích tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh cho DN, tạo thuận lợi tối đa cho các DN khi tham gia vào thị trường trong nước và ngoài nước. Ban hành hệ thống chính sách đồng bộ, ổn định lâu dài đối với hoạt động của khu vực DNNVV. Phát triển đa dạng các thị trường tài chính và thị trường chứng khoán để hỗ trợ cho DN huy động vốn trên thị trường chứng khoán, vay vốn trên thị trường trái phiếu DN. Đồng thời, hỗ trợ DNNVV bằng cách giải đáp các vấn đề vướng mắc về luật pháp, đăng ký kinh doanh; cũng có thể mở thêm hoạt động tư vấn kinh doanh cho DN hoặc thành lập riêng một cơ quan chuyên trách giúp cho sự phát triển của DNNVV tại Việt Nam.

Hoàn thiện khung pháp lý và phạm vi hỗ trợ DNNVV phát triển trong nước, hội nhập quốc tế (xác định rõ khuôn khổ về gia nhập, hoạt động và giải thể, phá sản của DN Việt Nam); hỗ trợ công nghệ, khoa học kỹ thuật cho DN Việt Nam; phát triển nguồn nhân lực cho các DNNVV, tập trung vào nâng cao năng lực quản trị; đẩy mạnh hình thành nhóm DN Việt Nam; cung cấp thông tin hỗ trợ DNNVV và xúc tiến mở rộng thị trường; xây dựng hệ thống tổ chức trợ giúp phát triển; tổ chức thực hiện các chương trình liên quan đến sự phát triển DN Việt Nam.

Thứ hai, tiếp tục thực hiện các cơ chế chính sách của Chính phủ trong việc cải

cách các mức thuế quan, cắt giảm các thủ tục đăng ký DN cùng với các “chi phí không chính thức”. Các bộ, ngành cần giảm bớt các cuộc thanh, kiểm tra không cần thiết với DNNVV, nhất là phải quyết liệt trong công tác xóa bỏ tệ nạn tham nhũng, những nhiều DN. Có cơ chế cắt giảm thuế thu nhập DN để hỗ trợ DNNVV giải quyết bài toán tạo việc làm cho xã hội, với quy định cụ thể về sử dụng phần ưu đãi thuế thu nhập DN đó để tái đầu tư, tạo công ăn việc làm mới. Hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho các DNNVV được tiếp cận các nguồn lực (đất đai, tài chính, lao động, khoa học công nghệ...). Xây dựng và phát triển hạ tầng thông tin dữ liệu về DN hoạt động cùng ngành hàng về thị trường vốn, thị trường lao động, thị trường khoa học công nghệ...

Thứ ba, phát huy vai trò của xã hội, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp thúc đẩy sự phát triển của DNNVV, nâng cao ý thức của cộng đồng xã hội đối với sự phát triển của DNNVV tại Việt Nam. Theo đó, cần nâng cao vai trò, năng lực của các Hiệp hội nhằm hỗ trợ DNNVV và tăng cường chức năng tham vấn và phản biện xã hội. Mặt khác, tăng cường tiếp nhận các phản hồi, ý kiến, nhu cầu từ người tiêu dùng sử dụng sản phẩm của DNNVV để tự hoàn thiện DN trong hoạt động kinh doanh, cung cấp hàng hóa, dịch vụ đến khách hàng bằng các giải pháp như: nâng cao trách nhiệm xã hội, trách nhiệm kinh doanh của DN đối với người tiêu dùng; cân bằng lợi ích của thương nhân và người tiêu dùng.

Thứ tư, bản thân mỗi DNNVV phải nêu cao ý thức vươn lên, phát huy lợi thế, nâng cao sức cạnh tranh của mình. DNNVV Việt

Nam có nhiều lợi thế về kinh doanh, phạm vi thị trường, khách hàng để tham gia vào hoạt động thương mại trong nước, khu vực và quốc tế. Đặc biệt, trong bối cảnh Việt Nam là thành viên của Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) thì việc tận dụng những lợi thế vốn có của DNNVV sẽ thúc đẩy sự phát triển lớn mạnh về kinh tế đất nước trong khu vực Đông Nam Á.

Việc nắm bắt nhu cầu, tâm lý của khách hàng hoặc nhóm khách hàng phù hợp với loại hình, ngành nghề kinh doanh của mỗi DN cũng là một giải pháp mà các DNNVV có thể thực hiện được và tạo ra những kết quả khả quan. Bên cạnh đó, DN cần có chiến lược phát triển thông qua các kế hoạch, chiến lược, tầm nhìn, sứ mệnh hoạt động cụ thể. Một giải pháp cũng được áp dụng đối với DNNVV, đó là xây dựng tầm nhìn trong sự phát triển của DN mình bằng việc xác định rõ các vấn đề về kinh tế, khách hàng, sự cạnh tranh, định hướng tương lai, triển vọng của DN, tính chuyên môn hóa cao trong tiếp xúc với khách hàng, uy tín, thương hiệu và giá trị cốt lõi mà mỗi DN cung cấp cho thị trường, xã hội...

Để hạn chế tối đa các thất bại như buộc phải giải thể, tự giải thể, tình trạng kinh doanh bị trì trệ, tạm ngưng hoạt động, các DNNVV cần phải xác định được phạm vi và đối tượng mà mình hướng tới. Nói cách khác, trên cơ sở quy mô, tiềm lực, loại hình hoạt động, các DNNVV cần có chiến lược phù hợp trong việc lựa chọn thị trường, phân khúc thị trường để khai thác, kinh doanh. Chọn lựa phân khúc thị trường phù hợp là một giải pháp và đồng thời cũng là sự chuẩn bị kỹ lưỡng, an toàn cho sự phát

triển ổn định của mỗi DN. Mặt khác, mỗi DN cần khai thác hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ, thúc đẩy cho sự phát triển như: các giải pháp hỗ trợ từ nhà đầu tư trong và ngoài nước; các chính sách, kế hoạch hỗ trợ của Nhà nước về nguồn vốn, tài chính, công nghệ, quản trị, kinh doanh... Đồng thời, sự liên minh, liên kết của nhóm DN kinh doanh, hoạt động cùng ngành nghề dưới các hình thức như hợp tác kinh doanh, liên doanh, liên danh... cũng là một giải pháp phù hợp nhằm phát huy vai trò, thế mạnh của mình.

Thứ năm, trong bối cảnh mở cửa và hội nhập quốc tế sâu rộng, Việt Nam đã ký kết hàng loạt các FTA thế hệ mới, để nâng cao năng lực cạnh tranh, DNNVV cần biết tận dụng tối đa những tiềm lực về vốn, nhân lực, thị trường, văn hóa, kinh nghiệm kinh doanh của các DN... Đây chính là sự tự thân vận động quan trọng của mỗi DNNVV trong kế hoạch thực hiện các chiến lược, mục tiêu kinh doanh của mình cùng với các đối thủ nặng ký trên thị trường. Hiểu về đối thủ và cân bằng hài hòa được các lợi ích với đối thủ trong kinh doanh sẽ tạo những cơ hội phát triển ổn định cho các DNNVV. Điều đó đồng nghĩa rằng, các DNNVV cần biết cách giữ mối quan hệ tốt đẹp với các DN lớn trong bối cảnh thị trường cạnh tranh khốc liệt. Đặc biệt, các DNNVV cần minh bạch hoạt động và báo cáo tài chính, nâng cao chất lượng quản trị DN, quản lý rủi ro.

5. Kết luận

Trong những năm gần đây, xu thế toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế đã có tác

động không nhỏ đến sự phát triển kinh tế của Việt Nam, trong đó có cộng đồng DN. Điều này khiến DNNVV phải đối mặt với sự khác biệt về nhiều khía cạnh liên quan đến hoạt động kinh doanh, thương mại như tư duy kinh doanh, nhận thức, niềm tin, tâm lý khách hàng, văn hóa ứng xử... Do vậy, mỗi DNNVV cần sử dụng có hiệu quả các giải pháp hỗ trợ của Nhà nước, của cộng đồng xã hội và của chính bản thân các DNNVV để phát triển bền vững và thích ứng với yêu cầu của bối cảnh mới.

Chú thích

² Theo báo cáo của các bộ, ngành, hầu hết cắt giảm điều kiện kinh doanh đạt trên 50%, trong đó đã cắt giảm, đơn giản hóa 61% điều kiện kinh doanh và 60% thủ tục kiểm tra chuyên ngành hàng hóa xuất, nhập khẩu, đạt mục tiêu Nghị quyết số 19/NQ-CP đề ra [3, tr.20]. Từ tháng 1/2018, lệ phí đăng ký DN đã giảm 50% so với quy định trước đây (từ 200.000 đồng còn 100.000 đồng) và miễn 100% nếu DN đăng ký qua mạng điện tử [7].

³ Cập nhật, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế để phục vụ các hoạt động đầu tư, kinh doanh của các DN; xây dựng và kết nối hệ thống cơ chế một cửa quốc gia; tích cực, chủ động đàm phán các hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư song phương với các đối tác nước ngoài; tham gia đàm phán nội dung đầu tư trong các FTA, như: Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVFTA) đã ký kết, thông qua Hiệp định Đối tác

Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)... [1, tr.14].

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Kinh tế Trung ương (2019), *Báo cáo 2 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*, Hà Nội, tháng 4.
- [2] Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Cục Phát triển doanh nghiệp (2017), *Sách trắng Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam*, Hà Nội.
- [3] Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2019), *Sách trắng Doanh nghiệp Việt Nam năm 2019*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Trường Sơn (2014), *Phát triển Doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5] Ninh Thị Minh Tâm, Lê Ngự Bình (2017), *Hiệu quả kinh doanh của các Doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [6] Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương (2018), *Đổi mới phương thức hỗ trợ tín dụng cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa: Kinh nghiệm quốc tế và một số kiến nghị cho Việt Nam*, Hà Nội.
- [7] <https://baomoi.com/phat-trien-doanh-nghiep-nho-va-vua-trong-boi-can-moi/c/29562534.epi>
- [8] <http://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/tai-chinh-doanh-nghiep/doanh-nghiep-nho-va-vua-chiem-981-144150.html>
- [9] <http://doanhnghiephoinhap.vn/thach-thuc-cua-doanh-nghiep-nho-va-vua-trong-nam-2019.html>